

Bản án số: **15/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 18/6/2024

V/v "*Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Thu Hà

2. Bà Nguyễn Thị Việt Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Thào Thị Thu Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **68/2024/TLST-HNGĐ** ngày 12 tháng 4 năm 2024 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị H** - sinh năm: 1972; địa chỉ: Số nhà 101, tổ dân phố 14, phường H L, thành phố B, tỉnh Đ (*Có mặt*).

- Bị đơn: Ông **Cáp Văn T** - sinh năm: 1970. Nơi ĐKKHKT: Số nhà 101, tổ dân phố 14, phường H L, thành phố B, tỉnh Đ. Hiện đang chấp hành án hình phạt tù tại Đội 57, Trại giam Y H thuộc Cục B, Bộ C, địa chỉ: xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Đặng Thị H** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Đặng Thị H** và ông **Cáp Văn T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Điện Biên, huyện Điện Biên, tỉnh Lai Châu cũ (nay là UBND phường Nam T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên) vào ngày 21/9/1993. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2004 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, sau đó đến năm 2010 thì ông T bị bắt đi chấp hành án nhiều lần. Hiện ông T đang đi chấp hành án tại Trại giam Yên Hạ, tỉnh Sơn La theo Bản án Hình sự sơ thẩm số

42/2022/HSST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ. Cho đến nay, bà H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà H làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giải quyết cho bà H được ly hôn với ông T

- Về quan hệ con chung: Bà Đặng Thị H và ông Cáp Văn T có hai con chung là cháu Cáp D B - sinh ngày 19/9/1997 và cháu Cáp B M- sinh ngày 03/7/2009. Hiện cháu Cáp D B đã đủ tuổi thành niên, phát triển khỏe mạnh về thể chất và tinh thần nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Cáp B M bà H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện bà H đã nghỉ hưu nhưng vẫn đang đi làm thêm chăm sóc người già tại gia đình, thu nhập ổn định khoảng 8.000.000 đồng/01 tháng; có nơi cư trú ổn định nên đủ điều kiện đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. *Tại bản tự khai ngày 03/5/2024, ông Cáp Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Cáp Văn T và bà Đặng Thị H kết hôn trên tinh thần tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Điện Biên, huyện Điện Biên, tỉnh Lai Châu cũ (nay là UBND phường Nam T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên) vào ngày 21/9/1993. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 8/2022 thì ông T bị bắt về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và phải đi chấp hành án 06 năm 06 tháng tại Trại giam Yên Hạ. Nay bà H xin ly hôn với ông, ông không nhất trí ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do ông T hiện đang chấp hành án hình phạt tù tại Trại giam Yên Hạ, Sơn La nên không thể tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như phiên tòa, do vậy ông có đơn đề nghị Tòa án được vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án trên.

- Về con chung: Ông Cáp Văn T công nhận vợ chồng ông, bà có hai con chung là cháu Cáp D B - sinh ngày 19/9/1997 và cháu Cáp - sinh ngày 03/7/2009. Hiện cháu Cáp D B đã đủ tuổi thành niên nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Cáp B M ông T nhất trí với nguyện vọng để bà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Đặng Thị H không thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ về yêu cầu khởi kiện, bà H vẫn kiên quyết giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Về hôn nhân: Bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Cáp B M và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Cáp D B đã đủ tuổi thành niên, phát triển khỏe mạnh về thể chất và tinh thần nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Đặng Thị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giải quyết ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông Cáp Văn T trước khi đi chấp hành án có ĐKHKTT: Số nhà 101, tổ dân phố 14, phường H L, thành phố B, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Cáp Văn T đang phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Y H thuộc Cục B, Bộ C (địa chỉ: xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La) không có mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung yêu cầu của các đương sự:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà Đặng Thị H và ông Cáp Văn T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn ngày 21/9/1993 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Điện Biên, huyện Điện Biên, tỉnh Lai Châu cũ (nay là UBND phường Nam T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên); khi đăng ký kết hôn, bà H và ông T đều đã trên 18 tuổi nên xác định quan hệ hôn nhân của bà H và ông T là hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà H cho rằng vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2004 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, đến năm 2010 thì ông T bị bắt đi chấp hành án nhiều lần và hiện vẫn đang phải chấp hành án tại Trại giam Yên Hạ, Sơn La về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà H vẫn kiên quyết xin được ly hôn với ông T.

Tại bản tự khai của ông Cáp Văn T, ông không nhất trí ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà H vì xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân của bà Đặng Thị H được chính quyền địa phương, nơi bà H - ông T sinh sống trước khi ông T đi thi hành án phạt tù đã xác nhận: Bà H và ông T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Điện Biên, huyện Điện Biên, tỉnh Lai Châu cũ (nay là UBND phường Nam T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên) vào ngày 21/9/1993. Sau khi kết hôn, hai người cùng sống chung tại Số nhà 101, tổ dân phố 14, phường H L, thành phố B, tỉnh Đ. Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và do ông T nghiện ma túy, tuy nhiên những mâu thuẫn của vợ chồng chưa có lần nào phải yêu cầu đến lãnh đạo phố, phường can thiệp, hòa giải; Hiện ông T vi phạm pháp luật nên bị bắt và bị kết án 06 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Yên Hạ, Sơn La.

Hội đồng xét xử thấy rằng, là vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, phải có thái độ tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau, cùng chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, trong cuộc sống. Tuy nhiên, trước khi ông T bị bắt thi hành án, ông T và bà H đã không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân do các bên bất đồng quan điểm sống, ông T nghiện ma túy, sau đó vướng vào vòng lao lý. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn với ông T là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Bà H và ông T đều xác định có 02 người con chung là cháu Cáp D B - sinh ngày 19/9/1997 và cháu Cáp B M- sinh ngày 03/7/2009. Hiện cháu Cáp D B đã đủ tuổi thành niên nên bà H, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Cáp B M tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bà H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Tại thời điểm giải quyết vụ án, cháu Cáp B M đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ. Ông T cũng nhất trí với nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Cáp B M của bà H.

Xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải xuất phát từ việc xem xét hoàn cảnh và điều kiện thực tế để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, để con được phát triển bình thường. Bà H đã nghỉ hưu nhưng vẫn đang đi làm thêm chăm sóc người già tại gia đình, thu nhập ổn định khoảng 8.000.000 đồng/01 tháng; có nơi cư trú ổn định nên đủ điều kiện

đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, hiện ông T đang chấp hành án tại Trại giam Yên Hạ, tỉnh Sơn La nên không thể nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Vì vậy, HĐXX xét thấy nguyện vọng nuôi con chung của bà H là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của con chung, đảm bảo lợi ích về mọi mặt của con chung, không làm ảnh hưởng đến việc sinh sống, học tập ổn định của cháu, không trái với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014 nên cần chấp nhận.

2.3. Về tài sản chung: Bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về nợ chung: Bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bà Đặng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, ông Cáp Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 và Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 5, 8, 9, Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*", cụ thể:

1.1. Về hôn nhân: Bà Đặng Thị H được ly hôn với ông Cáp Văn T.

1.2. Về con chung: Bà Đặng Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Cáp B M- sinh ngày 03/7/2009 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với con chung là cháu Cáp D B - sinh ngày 19/9/1997 hiện đã đủ tuổi thành niên, phát triển khỏe mạnh về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo các Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1.3. Về Tài sản chung và Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, tại biên lai thu tiền số 0000950 ngày 12/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Bà Đặng Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Bà Đặng Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18/6/2024), ông Cáp Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND, TP.ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS, TP. ĐBP;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- UBND phường Nam T, TP. ĐBP (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Thương Huyền